

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 7 năm 2020

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
KỲ THI THÁNG 5/2020**

STT	MSSV	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm TB Thi TN	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
												Tin học (A)	Anh văn (A)	
1	15000311	Bành Thanh	Tân	Nam	24/3/1997	Tp. Hồ Chí Minh	15TC-NL	7,0	6,6	6,8		X		Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp,
2	15000171	Đỗ Khắc	Huy	Nam	08/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TC-Ô	6,5	6,0	6,3			X	Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp,
3	15002017	Thái Văn	Thắng	Nam	02/4/1999	Nghệ An	15TC-Ô	6,7	5,3	6,0			X	Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
4	15001324	Nguyễn Xuân	Dũng	Nam	11/11/2000	Bình Phước	15TC-QTM	6,7	5,5	6,1			X	Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp, Nợ học phí, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
5	16003427	Vũ Tuấn	Anh	Nam	15/7/2000	Thanh Hoá	16TC-Ô1	7,1	3,8	5,5		X		Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp, TN Thực hành nghề nghiệp, TN Giáo dục Chính trị, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
6	16000566	Đào Sơn	Nam	Nam	14/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	16TC-Ô1	6,8	6,8	6,8		X	X	Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
7	16001840	Trần Duy	Quang	Nam	20/5/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16TC-Ô1	6,5	5,8	6,2				Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
8	16000241	Hoàng Anh	Trường	Nam	01/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TC-Ô1	6,8	6,2	6,5		X	X	Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,

STT	MSSV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm TB Thi TN	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
											Tin học (A)	Anh văn (A)	
9	15000717	Nguyễn Trần Thanh Tú	Nam	26/4/1997	Tp. Hồ Chí Minh	15TCT-Ô	6,6	4,8	5,7				Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
10	16000675	Trần Quốc Khánh	Nam	05/9/1998	Long An	16TCT-Đ	6,6	6,1	6,4			X	Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp,
11	16003442	Nguyễn Mạnh	Nam	10/9/1998	Bình Định	16TCT-Đ	6,2	4,0	5,1			X	Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
12	16003117	Trần Nguyên Chí Tiến	Nam	03/02/1998	Bình Thuận	16TCT-Đ	6,4	5,7	6,1			X	Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp,
13	16000738	Ngô Minh Lợi	Nam	19/4/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16TCT-Ô1	6,4	4,3	5,4				Nợ: Học phí ôn thi TN Văn hóa, TN Lý thuyết tổng hợp
14	16001891	Thi Đức Quang	Nam	30/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16TCT-Ô2	6,1	4,5	5,3				Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
15	16000622	Dương Khánh Trường	Nam	15/5/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16TCT-QTM	6,9	5,2	6,1				Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp,
16	16002762	Lê Thái Văn	Nam	26/9/1997	Cà Mau	16TCT-QTM	6,6	4,0	5,3				Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,

Tổng cộng danh sách có 16 sinh viên.

Người lập biểu



Võ Thị Xuân Thơ

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TUYỂN SINH - ĐÀO TẠO



Nguyễn Thị Nhuận

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 7 năm 2020

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG NGHỀ
KỲ THI THÁNG 5/2020**

STT	MSSV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học (A)	Anh văn (B)	
1	15001951	Nguyễn Đức Anh	Nam	20/6/1996	Bình Phước	15CĐN-Ô	6,2					Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
2	15003267	Lý Huỳnh Chí Lương	Nam	25/01/1996	Tp. Hồ Chí Minh	15CĐN-Ô	6,4			X	X	Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
3	16003357	Hoàng Minh Chính	Nam	07/6/1998	Đắk Lắk	16CĐN-Ô1	6,9			X	X	Nợ: Tốt nghiệp Chính trị,
4	16001391	Trần Duy Hoan	Nam	12/7/1998	Bình Thuận	16CĐN-Ô1	6,5					Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề, Tốt nghiệp Thực hành nghề, Tốt nghiệp Chính trị, Nợ học phí, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
5	16002224	Trần Thị Mỹ Duyên	Nữ	07/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-QTD	6,8				X	Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
6	16002969	Võ Lê Kim Giàu	Nữ	30/5/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-QTD	7,2			X	X	Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
7	16003742	Trần Thị Mai	Nữ	21/10/1998	Bình Phước	16CĐN-QTD	7,4			X	X	Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
8	16001921	Trần Đỗ Hồng Phương	Nữ	28/9/1998	Bình Phước	16CĐN-QTD	6,7			X	X	Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,

STT	MSSV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học (A)	Anh văn (B)	
9	16003221	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	25/02/1998	Bình Thuận	16CĐN-QTD	6,8					Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,

Tổng cộng danh sách có 9 sinh viên.

Người lập biểu

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TUYỂN SINH - ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Võ Thị Xuân Thơ



Nguyễn Thị Nhuận



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 7 năm 2020

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP NGHỀ
KỲ THI THÁNG 5/2020**

STT	MSSV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học (A)	Anh Văn (A)	
1	15003032	Nguyễn Bá Lập	Nam	02/01/1998	Bắc Ninh	15TCN-ĐT	6,2					Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề, Tốt nghiệp Thực hành nghề, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
2	15000122	Nguyễn Văn Kha	Nam	09/4/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-Ô1	6,8				X	Nợ: Tốt nghiệp Thực hành nghề, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
3	15002194	Nguyễn Phi Long	Nam	13/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-Ô1	6,3					Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề, Tốt nghiệp Thực hành nghề, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
4	15000201	Huỳnh Đức Tuấn	Nam	09/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-Ô1	6,7					Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
5	16000194	Vũ Hồng Nhật Hạ	Nữ	05/6/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-KTD	7,6					Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
6	16000935	Bùi Xuân Đường	Nam	02/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-Ô1	6,9					Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
7	16000014	Võ Văn Huỳnh Duy	Nam	21/7/2001	Bến Tre	16TCN-Ô1	6,3					Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,

STT	MSSV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học (A)	Anh Văn (A)	
8	16001678	Nguyễn Trung Hậu	Nam	20/7/2000	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-Ô1	7,3			X		Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
9	16000654	Võ Phú Lộc	Nam	27/02/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	16TCN-Ô1	6,9					Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
10	16002960	Lê Hoàng Nam	Nam	13/9/1999	Đồng Tháp	16TCN-Ô1	6,2					Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,Lý,Rót môn văn hóa.
11	16003614	Trần Huy Nam	Nam	02/9/2000	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-Ô1	5,9					Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,Tốt nghiệp Thực hành nghề,Hóa,Rót môn văn hóa.Tốt nghiệp Chính trị,Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
12	16000449	Ngô Minh Nhật	Nam	28/8/2001	Bình Dương	16TCN-Ô1	6,3					Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
13	16000505	Lại Công Tài	Nam	27/8/2001	Thừa Thiên -Huế	16TCN-Ô1	6,3			X		Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
14	16001815	Đinh Quý Thanh	Nam	07/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-Ô1	6,9			X	X	Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,Tốt nghiệp Thực hành nghề,Nợ học phí,Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
15	16001128	Nguyễn Văn Ngọc Thiện	Nam	03/5/2001	Đồng Tháp	16TCN-Ô1	5,9			X		Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
16	16000176	Lê Nguyễn Trường Thịnh	Nam	14/6/2001	Bến Tre	16TCN-Ô1	6,7			X		Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
17	16000333	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	21/8/2001	Tiền Giang	16TCN-Ô1	6,1			X		Nợ: Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,

STT	MSSV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học (A)	Anh Văn (A)	
18	16002461	Mộng Thùy Dương	Nữ	21/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTD	6,9			X		Nợ: Tốt nghiệp Thực hành nghề,
19	16000283	Nguyễn Trần Quang Nhật	Nam	15/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTD	6,7				X	Nợ: Tốt nghiệp Chính trị, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
20	16000189	Hoàng Sơn	Nam	13/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTM1	6,6				X	Nợ: Tốt nghiệp Chính trị, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,

Tổng cộng danh sách có 20 sinh viên.

Người lập biểu

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TUYỂN SINH - ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Võ Thị Xuân Thơ



Nguyễn Thị Nhuận



Đinh Văn Đệ

